KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2020
SỞ GD&ĐT ĐẮK LẮK

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2020

Số thứ tự	Lớp 12	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm số các bài thi								
								Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ
1	TDO	241890472	VƯƠNG XUÂN TẠO	Nam	05/12/2001	LÂM ĐỒNG	Kinh	4.60	3.50				5.75			2.20
2	12A01	241890633	H BÍCH PANG TING	Nữ	22/02/2001	ĐẮK LẮK	Mnông	4.80	6.50				4.50	7	7.25	2.40
3	12A01	241980029	H' KHOA DAK CĂT	Nữ	01/02/2000	ĐẮK LẮK	Mnông	3.20	4.50				4	4.25	7.50	2.60
4	12A01	241890478	THÂN THỊ KỲ DUYÊN	Nữ	10/04/2002	ĐẮK LẮK	Kinh	4.20	6.75				5.50	8	10	3
5	12A01	242008459	BÙI QUỐC DƯƠNG	Nam	26/07/2002	ĐẮK LẮK	Kinh	5	5.25				5.50	6.50	8.25	2.60
6	12A01	241817431	Y' ĐO - KNUL	Nam	21/08/2000	ĐẮK LẮK	Ê-đê	4.40	5.75				3.75	7	8.25	2.80
7	12A01	241890816	H GUI NTƠR	Nữ	27/09/1999	ĐẮK LẮK	Mnông	3.60	5.75				4.75	6.25	8.50	3.20
8	12A01	241980090	H HẰNG ČIL	Nữ	20/01/2000	ĐẮK LẮK	Mnông	3.20	6				3	5.25	6.25	2.80
9	12A01	241980568	H HIÊNG KTLA	Nữ	10/07/2002	ĐẮK LẮK	Ê-đê	5.60	6				5	7.50	8	2
10	12A01	241890653	H HIẾU SRŨK	Nữ	05/06/2000	ĐẮK LẮK	Mnông	4.20	5.25				6.75	6.50	8.75	3.80
11	12A01	241940457	Y HỒ BKRÔNG	Nam	12/05/2000	ĐẮK LẮK	Mnông	4	7				8.50	7.25	8.75	3
12	12A01	241817551	HOÀNG PHI HÙNG	Nam	11/04/2002	ĐẮK LẮK	Nùng	6.60	6.25				4.50	7.50	9	3.60
13	12A01	241890629	H' HUYỀN DAK ČĂT	Nữ	20/06/2001	ĐẮK LẮK	Mnông									
14	12A01	241890689	TRƯƠNG THỊ HƯƠNG	Nữ	14/06/2002	ĐẮK LẮK	Tày	7.20	7.75				8	6.25	9	4.20
15	12A01	241980525	Y KHA HLÔNG	Nam	20/11/2002	ĐẮK LẮK	Ê-đê	4.60	4.75				5.25	6.50	8.25	4
16	12A01	241980604	VI VĂN KHẢI	Nam	25/07/2002	THANH HÓA	Thái	4.20	4.75				4.75	7.25	7.25	3
17	12A01	241817541	NÔNG NGỌC KIÊN	Nam	18/09/2002	ĐẮK LẮK	Tày	8.40	7	7.75	7.75	6				4.60
18	12A01	241890868	NGUYỄN Y LINH	Nam	29/08/2001	ĐẮK LẮK	Mnông	2.80	6.25				5.25	6	8.75	2.60
19	12A01	241817546	NÔNG NGỌC LINH	Nam	04/01/2002	ĐẮK LẮK	Tày	4.40	5.75				7	8.25	8.50	3.80
20	12A01	241890655	NGÂN VĂN LUYỆN	Nam	15/06/2001	ĐẮK NÔNG	Mường	3.40	6				5	6.75	9	3.40
21	12A01	241890674	H MAI HƯƠNG B'KRÔNG	Nữ	04/11/2000	ĐẮK LẮK	Mnông	3.60	3.75				3.25	3.50	4	2.20
22	12A01	241817210	Y MANH LONG DƠNG	Nam	16/06/2001	ĐẮK LẮK	Mnông	4.80	6.50				9	8	9	2.80
23	12A01	241817145	H' MÊ TREI	Nữ	02/09/1999	ĐẮK LẮK	Ê-đê	4.80	6.25				4	6.25	7.75	4
24	12A01	241890488	LÊ THỊ THÚY NGA	Nữ	29/11/2002	ĐỒNG NAI	Kinh	6	7.50				5.50	7.75	9	3
25	12A01	241890567	Y. NGHIÊM TREI	Nam	23/05/2000	ĐẮK LẮK	Mnông	4.80	5.25				4.25	6.25	7	1.40
26	12A01	241981100	TRIỆU THỊ PHƯƠNG	Nữ	11/08/2002	CAO BẰNG	Tày	6.20	6				4	5.25	8.25	3.60
27	12A01	241891822	H' SAMÔL LONG DING	Nữ	26/01/2002	ĐẮK LẮK	Mnông	3	6.50				4.50	6.50	6.75	2.60

Số thứ tự	Lớp 12	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm số các bài thi								
								Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ
28	12A01	241816900	Y' SAN JA	Nam	17/10/1999	ĐẮK LẮK	Mnông	4	5.75				4	5	7.25	2.40
29	12A01	241940289	Y' SIĂ - BJRANG	Nam	24/06/2001	ĐẮK LẮK	Mnông	5.40	6.25				8.25	7.50	9	4
30	12A01	241940876	HOÀNG VĂN THANH	Nam	04/06/2001	HÀ TÂY	Kinh	6	6.75				5.75	8.25	8.50	2.20
31	12A01	241940571	H THIẾT NIÊ	Nữ	26/03/2002	ĐẮK LẮK	Ê-đê	2	5.50				3.50	4.75	6.50	3
32	12A01	241817392	Y' THUẬT BU SRIĂ	Nam	16/06/2000	ĐẮK LẮK	Ê-đê	3	6.50				6	7.50	9.25	2.40
33	12A01	241890630	H- MỸ TRANG BUÔN JRANG	Nữ	13/03/2002	ĐẮK LẮK	Mnông	6	6.25				6	7.75	9	2
34	12A01	241817520	H VI RYAM	Nữ	08/08/2000	ĐẮK LẮK	Mnông	2.80	5.75				3	4.25	5.50	2.20
35	12A01	241890860	H - XÊ PHỒ RA NDU	Nữ	23/11/2001	ĐẮK LẮK	Mnông	4.60	6.75				7	7.25	9.25	4
36	12A02	241890700	Y - ANDRÊ NDU	Nam	22/12/2000	ĐẮK LẮK	Mnông	2.20	4				6.75	8.25	8.75	3.40
37	12A02	241890918	Y: CẦN - BUÔC	Nam	28/10/1999	ĐẮK LẮK	Mnông	2.60	4				3.50	4	4.50	1.60
38	12A02	241941592	H DI NA NTƠR	Nữ	30/10/2001	ĐẮK LẮK	Mnông	6.20	7.50				6.50	7	8.75	6.40
39	12A02	242008751	Y ĐÔI LƠ RƠ JE	Nam	07/05/2002	ĐẮK LẮK	Mnông	3.40	5				4.75	5.50	7.25	3
40	12A02	241940521	VỪ VĂN HÀNH	Nam	21/05/2001	BẮC KẠN	Hmông	3.80	6.25				5.50	5.75	7.50	3.40
41	12A02	241890665	H: HƯNG ČIL	Nữ	22/07/2002	ĐẮK LẮK	Mnông	5.80	5.50				8	7.50	8.75	3.60
42	12A02	241891698	Y' JEK - BDÁP	Nam	05/07/2000	ĐẮK LẮK	Mnông	3	5.67				5.25	7.75	9.25	2.80
43	12A02	241941932	H - DRIM BUÔN KRÔNG	Nữ	22/01/2000	ĐẮK LẮK	Mnông	4	6.50				4.75	7	9	2.40
44	12A02	241891110	HỒ THỊ NHẬT LỆ	Nữ	26/09/2002	LÂM ĐỒNG	Kinh	5.20	6.50				6.50	6	9	3
45	12A02	241817714	H - LUÔI BKRÔNG	Nữ	16/10/2000	ĐẮK LẮK	Ê-đê	5.20	6				4.25	7.50	8.50	3.60
46	12A02	241890744	H' LƯƠNG NDU	Nữ	29/07/2002	ĐẮK LẮK	Mnông	5.40	6.25				5.25	6.25	8.75	3.60
47	12A02	241890661	H MI LA RƠ LƯK	Nữ	21/11/2002	ĐẮK LẮK	Mnông	4.40	6				4.75	6.75	7.50	3.20
48	12A02	242008536	H MỪNG DƠNG JRI	Nữ	19/05/2002	ĐẮK LẮK	Mnông	3	5.25				3	4	5.75	3
49	12A02	241891922	H NEM NDU	Nữ	06/12/2000	ĐẮK LẮK	Mnông	5.20	6.75				6.50	6.50	8	4.20
50	12A02	241941934	H NGÂM RƠ YAM	Nữ	15/11/2002	ĐẮK LẮK	Mnông	4.80	5				4	6	7.75	2.20
51	12A02	241980612	H NGÂN KTLA	Nữ	02/07/2001	ĐẮK LẮK	Ê-đê	5.60	6.50				6	6	8.25	2.40
52	12A02	241817675	H NGHÉT SRŨK	Nữ	07/06/1999	ĐẮK LẮK	Mnông	4.20	4.75				4.25	5	7.50	2.20
53	12A02	241816763	H NGUÔM TREI	Nữ	12/09/1999	ĐẮK LẮK	Mnông	5	6				4.50	7.50	7.75	3.80
54	12A02	241891117	H NGUYÊN BUÔN JRANG	Nữ	01/04/2002	ĐẮK LẮK	Mnông	5.60	5.50				6.50	7	8.25	2.60
55	12A02	241817840	ĐINH THỊ MINH NGUYỆT	Nữ	20/01/2002	LẠNG SƠN	Tày	7.40	5.25				6.25	8.25	8.50	3.60
56	12A02	241890476	H' NHO ÊNUÔL	Nữ	29/09/2000	ĐẮK LẮK	Ê-đê	5.60	7				6.50	8	8.25	3.60
57	12A02	241817292	Y: PHONG RƠ TUNG	Nam	15/10/2002	ĐẮK LẮK	Mnông	2	3.50				3.75	4.25	7	1.80
58	12A02	241940368	Y' PHÚ PANG TING	Nam	17/07/2002	ĐẮK LẮK	Mnông	6.40	5.75				8.25	8.75	9.25	4
59	12A02	241890873	Y - QUYẾT BUÔN KRÔNG	Nam	10/08/2001	ĐẮK LẮK	Mnông	4.20	5				5.50	6.75	8.75	2
60	12A02	241817451	Y THANH RƠ LỦK	Nam	28/06/2000	ĐẮK LẮK	Mnông	3.60	6				3.50	4.25	7.50	2.40
61	12A02	241980063	H THẢO BUÔN JRANG	Nữ	01/11/2002	ĐẮK LẮK	Mnông	6.20	7.75				4.75	7.50	8.50	4

Số thứ tự	Lớp 12	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm số các bài thi								
								Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ
62	12A02	242008129	Y THÂN PANG TING	Nam	10/10/1999	ĐẮK LẮK	Mnông	3.20	5.75				5.50	6.75	7.75	2.40
63	12A02	241817855	NGÂN THỊ THƠM	Nữ	04/09/2001	THANH HÓA	Mường									
64	12A02	241890570	NÔNG MINH TIẾN	Nam	11/09/2002	ĐẮK LẮK	Tày	4.80	6.75				7.50	7.50	9.50	3.40
65	12A02	241891705	H - TRÂM KJIÊ	Nữ	02/09/2001	ĐẮK LẮK	Ê-đê	5.20	6.50				6	7.75	8	2.40
66	12A02	241940834	Y TRỰC HLÔNG	Nam	15/05/2002	ĐẮK LẮK	Ê-đê	4.20	5.75				5.25	7	9.25	2.60
67	12A02	241817487	NGUYỄN DOÃN TRƯỜNG	Nam	19/10/2002	ĐẮK LẮK	Kinh	7.20	6	6	6.25	6.50				3.60
68	12A02	241941969	ĐÀM ANH TUẤN	Nam	06/01/2002	ĐẮK LẮK	Tày	4.80	5.75				4.75	7.25	9	3
69	12A02	241890676	Y TỴ PANG TING	Nam	19/10/2002	ĐẮK LẮK	Mnông	6.40	6				7.25	8.50	9.75	4.20
70	12A02	241980485	Y WÔL BKRÔNG	Nam	11/05/2002	ĐẮK LẮK	Mnông	3.60	5.50				5	6.75	8.75	2.80
71	12A02	241940071	Y' WƯNG B'KRÔNG	Nam	25/01/2001	ĐẮK LẮK	Ê-đê	3.20	5.75				5.50	5.50	8.25	1.80